Signature Not Verified
Được ký bởi NGUYỄN SỸ HÀ
Ngày ký: 28.10.2015 10:04

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 58 /2015/QĐ-HĐQT	*Kon Tum, ngày 28 tháng 10 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đường Kon Tum

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Đường Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQT, ngày 25/01/2013 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 38 /2015/NQ-HĐQT, ngày 13 tháng 8 năm 2015 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường Kon Tum về việc thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường Kon Tum đã được sửa đổi, bổ sung,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường Kon Tum" gồm 21 chương, 52 Điều, đã được sửa đổi, bổ sung theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

Điều lệ này thay thế Điều lệ Ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQT, ngày 25/01/2013 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đường Kon Tum.

Điều 2. Điều lệ này có thể được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các các đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu TCHC, Thư ký HĐQT.

S.Đ.K.K.D: 6100228104 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM TP. KON TUM T. KON TUM

Đặng Việt Anh

MỤC LỤC

	PHẦN MỞ ĐẦU	Trang 5
CHƯƠNG I	**ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**	
Điều 1	Định nghĩa	Trang 5
CHƯƠNG II	**TÊN GỌI, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**	
Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Trang 6
CHƯƠNG III	**MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**	
Điều 3	Mục tiêu hoạt động của Công ty	Trang 6
Điều 4	Phạm vi kinh doanh và hoạt động	Trang 7
Điều 5	Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Công ty	Trang 7
CHƯƠNG IV	**VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**	
Điều 6	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu, cổ đông sáng lập	Trang 7
Điều 7	Chứng chỉ cổ phiếu và Sổ đăng ký cổ đông	Trang 8
Điều 8	Chuyển nhượng cổ phần	Trang 10
Điều 9	Quyền của Công ty	Trang 10
Điều 10	Nghĩa vụ của Công ty	Trang 11
Điều 11	Thu hồi cổ phần	Trang 11
CHƯƠNG V	**CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ**	
Điều 12	Cơ cấu tổ chức, quản lý	Trang 12
CHƯƠNG VI	**CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**	
Điều 13	Quyền hạn của Cổ đông	Trang 12
Điều 14	Nghĩa vụ của Cổ đông	Trang 13
Điều 15	Đại hội đồng Cổ đông	Trang 13
Điều 16	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông	Trang 15

Điều 17	Các đại diện uỷ quyền	Trang 16
Điều 18	Thay đổi các quyền	Trang 16
Điều 19	Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông.	Trang 17
Điều 20	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	Trang 18
Điều 21	Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông	Trang 19
Điều 22	Thông qua Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	Trang 20
Điều 23	Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông	Trang 21
CHƯƠNG VII	**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	
Điều 24	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Trang 22
Điều 25	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Trang 23
Điều 26	Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Trang 25
Điều 27	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Trang 26
CHƯƠNG VIII	**TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**	
Điều 28	Tổ chức bộ máy quản lý	Trang 29
Điều 29	Quyền hạn, trách nhiệm của Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và kế toán trưởng	Trang 29
Điều 30	Thư ký Công ty	Trang 30
CHƯƠNG IX	**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**	
Điều 31	Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc điều hành và cán bộ quản lý	Trang 31
Điều 32	Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi	Trang 31
Điều 33	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Trang 31
CHƯƠNG X	**BAN KIỂM SOÁT**	
Điều 34	Thành viên Ban Kiểm soát	Trang 32

Điều 35	Ban Kiểm soát	Trang 33
CHƯƠNG XI	**QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**	
Điều 36	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Trang 34
CHƯƠNG XII	**NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ**	
Điều 37	Người lao động và các tổ chức Đảng, đoàn thể	Trang 34
CHƯƠNG XIII	**PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**	
Điều 38	Cổ tức	Trang 35
CHƯƠNG XIV	**TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**	
Điều 39	Tài khoản ngân hàng	Trang 36
Điều 40	Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ	Trang 36
Điều 41	Năm tài khoá	Trang 36
Điều 42	Hệ thống kế toán	Trang 36
CHƯƠNG XV	**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**	
Điều 43	Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	Trang 36
CHƯƠNG XVI	**KIỂM TOÁN CÔNG TY**	
Điều 44	Kiểm toán	Trang 37
CHƯƠNG XVII	**CON DẤU**	
Điều 45	Con dấu	Trang 37
CHƯƠNG XVIII	**CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**	
Điều 46	Chấm dứt hoạt động	Trang 37
Điều 47	Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông	Trang 38
Điều 48	Gia hạn hoạt động	Trang 38
Điều 49	Thanh lý	Trang 38

CHƯƠNG XIX	**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**	
Điều 50	Giải quyết tranh chấp nội bộ	Trang 39
CHƯƠNG XX	**BỔ SUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**	
Điều 51	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Trang 39
CHƯƠNG XXI	**NGÀY HIỆU LỰC**	
Điều 52	Ngày hiệu lực	Trang 39

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Công ty cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty. Mọi hoạt động của Công ty đều phải tuân theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ này. Công ty sẽ ban hành hệ thống các quy định để cụ thể và chi tiết hoá một số nội dung của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Những quy định này được áp dụng trong nội bộ Công ty.

Điều lệ này được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường Kon Tum quyết định sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 8 năm 2015 (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015) và Quyết định ban hành tại Quyết định số 58/QĐ-HĐQT, ngày 28 tháng 10 năm 2015.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1.1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, trong

Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1.1.1 "Công ty" có nghĩa là Công ty cổ phần Đường Kon Tum.

1.1.2 "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

1.1.3 "Vốn điều lệ" có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

1.1.4 "Cổ phần có quyền biểu quyết" là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề được nêu ra tại Đại hội đồng cổ đông.

1.1.5 "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

1.1.6 "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

1.1.7 "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

1.1.8 "Những người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức theo quy định của Luật hiện hành.

1.1.9 "Cổ đông" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần Công ty.

1.1.10 "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 2.5 Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

1.1.11 Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

1.2 Khi được sử dụng trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh, từ "người" được hiểu là cá nhân, các cá nhân và/hoặc tổ chức.

1.3 Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Điều lệ này, các từ hoặc thuật ngữ được dùng trong Điều lệ này sẽ có nghĩa như được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG II. TÊN GỌI, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2.Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1. Tên Công ty.

2.1.1 Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

2.1.2 Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **KON TUM SUGAR JOINT STOCK COMPANY**

2.1.3 Tên viết tắt: **KTS**

2. 2. Công ty được thành lập theo phương thức chuyển từ một doanh nghiệp Nhà nước thành một công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày thành lập

2.3. Trụ sở chính và Chi nhánh của Công ty:

2.3.1 Trụ sở chính:

2.3.1.1 Địa chỉ: Km2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

2.3.1.2 Điện thoại: 0606.289.549

2.3.1.3 Fax: 0603.917.598

2.3.2 Chi nhánh:

Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.5 Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2.6 Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 46 và Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 của Điều lệ này.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3.Mục tiêu hoạt động của Công ty.

3.1 Mục tiêu hoạt động: Mục tiêu của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh mà pháp luật cho phép, nhằm tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Công ty cho các Cổ đông, nâng cao giá trị Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty gắn kết công nghiệp chế biến với phát triển vùng nguyên liệu nhằm tăng tính độc lập về nguồn nguyên liệu trong hiện tại và tương lai.

3.2 Lĩnh vực hoạt động của Công ty: Công ty tiến hành hoạt động trên các lĩnh vực:

3.2.1 Các lĩnh vực chính:

3.2.1.1 Sản xuất kinh doanh các sản phẩm đường (RS, RE, đường thô...) rỉ đường và các sản phẩm sau đường;

3.2.1.2 Sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản;

3.2.1.3 Sản xuất kinh doanh bao bì, điện thương phẩm;

3.2.1.4 Sản xuất kinh doanh mía thương mại (mía giống và mía nguyên liệu);

3.2.1.5 Xây dựng, sản xuất, lắp đặt máy móc thiết bị, gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí phục vụ các ngành sản xuất và dân dụng;

3.2.1.6 Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón, máy móc nông nghiệp.

3.2.2 Công ty có thể mở thêm một số ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4.Phạm vi kinh doanh và hoạt động

4.1 Công ty được quyền lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

4.2 Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5.Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Công ty.

5.1 Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng dân chủ và nghiêm chỉnh tuân theo pháp luật.

5.2 Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

5.3 Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng tham gia quản lý, cùng chia lợi nhuận, chịu mọi rủi ro tương ứng với phần vốn góp của mọi cổ đông.

5.4 Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.5 Điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám Đốc do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ Công ty.

5.6 Công ty có thể tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc theo phân cấp mức độ hạch toán kinh tế, mức độ phân phối tiền lương khác nhau theo các nguồn đầu tư và điều kiện của từng đơn vị để khuyến khích sự chủ động sáng tạo của các đơn vị.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6.Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu, cổ đông sáng lập.

6.1 Vốn điều lệ.

6.1.1 Vốn điều lệ của Công ty kể từ ngày Điều lệ này được thông qua là **50.700.000.000 VND** (Năm mươi tỷ, bảy trăm triệu đồng). Số vốn này được chia thành **5.070.000 cổ phần** (Năm triệu không trăm bảy mươi ngàn cổ phần).

6.1.2 Công ty chỉ có thể tăng vốn điều lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù

hợp với các quy định của pháp luật.

6.2 Cổ phần.

6.2.1 Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông (kể cả cổ phần bán giá ưu đãi và ưu đãi trả dần cho người lao động trong Công ty khi cổ phần hoá và cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược). Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu từng loại cổ phần được quy định tại Điều 13, 14 của Điều lệ này.

6.2.2 Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông mới, phải ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác).

Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác.

6.2.3 Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

6.2.4 Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi nếu có) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại được coi là cổ phiếu ngân quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6.3 Cổ đông sáng lập của Công ty.

Cổ đông sáng lập của Công ty là những Cổ đông có đủ các điều kiện sau đây:

6.3.1. Tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty;

6.3.2. Cùng nhau nắm giữ tối thiểu từ 20% tổng số cổ phần phổ thông trong vòng 3 (ba) năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Điều 7:Chứng chỉ cổ phiếu và Sổ đăng ký cổ đông

7.1 Cổ phiếu của cổ phần phổ thông của Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
e. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
h. Số đăng ký tại Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
i. Các nội dung khác quy định tại Luật Doanh Nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

7.2 Mọi Cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định, trừ trường hợp quy định tại Điều 7.9 của Điều Lệ.

7.3 Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.

7.4 Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký Cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).

7.5 Trường hợp chỉ có một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh được chuyển nhượng thì chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

7.6 Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện là phải gửi cho Công ty chứng chỉ cũ hoặc (nếu chứng chỉ cũ bị mất, mất cắp hoặc bị huỷ hoại) thì phải tuân thủ các điều kiện để chứng minh và bồi thường và (trong trường hợp khác) thanh toán các chi phí của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7.7 Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong bất kỳ trường hợp nào mà những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

7.8 Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

7.9 Trong khuôn khổ các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không), được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

7.10 Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký Cổ đông ("**Sổ Đăng ký**") từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ Đăng ký có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

7.11 Sổ Đăng ký phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

7.12 Sổ Đăng ký được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ Đăng ký trong giờ làm việc của Công ty.

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần

8.1 Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có

quy định khác.

8.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

8.3 Cổ phần của Cổ đông chiến lược khi muốn chuyển nhượng cổ phần thì ngoài việc thực hiện theo các qui định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành còn phải tuân theo các điều khoản đã cam kết khi thực hiện việc mua cổ phần của Công ty.

8.4 Sau thời hạn 3 (ba) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

8.5 Trường hợp Cổ đông là cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế hợp pháp của họ sẽ được Công ty thừa nhận là người duy nhất kế thừa số cổ phần và các quyền lợi liên quan đến cổ phần của Cổ đông đã chết. Quy định này không có nghĩa là cổ phần thuộc sở hữu của Cổ đông đã chết không còn liên quan về nghĩa vụ tài sản mà Cổ đông đó đã thực hiện.

Điều 9 :Quyền của Công ty.

9.1 Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty;

9.2 Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng qui mô và ngành nghề kinh doanh;

9.3 Chủ động tìm kiếm khách hàng, thị trường và ký kết hợp đồng;

9.4 Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn;

9.5 Xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại công ty;

9.6 Tuyển dụng, thuê mướn và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh và xây dựng ban hành hệ thống thang bảng lương, chính sách tiền lương, trả lương theo tính chất công việc được phân công, nhằm khuyến khích người lao động có tài năng, có trình độ chuyên môn kỹ thuật, có năng suất lao động cao đóng góp nhiều cho Công ty.

9.7 Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;

9.8 Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;

9.9 Quyết định hình thức phân phối và sử dụng lợi nhuận sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đóng thuế cho nhà nước.

9.10 Các quyền khác do pháp luật quy định;

Điều 10:Nghĩa vụ của Công ty.

10.1 Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã đăng ký;

10.2 Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác;

10.3 Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

10.4 Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định pháp luật về lao động ; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm;

10.5 Đảm bảo chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;

10.6 Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; tôn trọng quyền tổ chức các đoàn thể quần chúng theo pháp luật quy định;

10.7 Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh;

10.8 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

Điều 11: Thu hồi cổ phần

11.1 Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

11.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán đồng thời thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

11.3 Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó.

11.4 Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.Nếu cần Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.

11.5 Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

11.6 Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

12.1 Đại hội đồng cổ đông;

12.2 Hội đồng quản trị;

12.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị

12.4 Ban kiểm soát;

12.5 Tổng giám đốc điều hành .

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13.Quyền hạn của Cổ đông

13.1 Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

13.2 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

13.2.1 Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

13.2.2 Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

13.2.3 Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

13.2.4 Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu do Hội đồng quản trị quyết định ;

13.2.5 Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

13.2.6 Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

13.2.7 Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 90 Luật Doanh nghiệp;

13.2.8 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

13.3 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng , có các quyền sau:

13.3.1 Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;

13.3.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

13.3.3 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

13.3.4 Các quyền khác được quy định theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 14.Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

14.1 Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

14.2 Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

14.3 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp Cổ đông cung cấp sai địa chỉ thì sẽ phải chịu mọi thiệt hại có từ hoặc liên quan đến việc cung cấp sai địa chỉ;

14.4 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

14.5 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

14.5.1 Vi phạm pháp luật;

14.5.2 Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

14.5.3 Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Côngty.

14.6 Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15: Đại hội đồng cổ đông

15.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

15.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm (đã được kiểm toán) và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

15.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

15.3.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; Việc triệu tập là cần thiết nếu các Kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng thấy như vậy.

15.3.2 Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh Vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;

15.3.3 Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

15.3.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 13.3 Điều 13 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

15.3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; nhưng phải có chữ ký kiến nghị của 65% cổ đông.

15.3.6 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

15.4 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường

15.4.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 15.3.3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 15.3.4 và Khoản 15.3.5 của Điều này.

15.4.2 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 15.4.1 của Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

15.4.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 15.4.2 của Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 15.3.4 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

15.4.4 Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 16.Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

16.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

16.1.1 Báo cáo tài chính hàng năm;

16.1.2 Báo cáo của Ban kiểm soát;

16.1.3 Báo cáo của Hội đồng quản trị;

16.1.4 Báo cáo kiểm toán viên

16.1.5 Định hướng phát triển của Công ty

16.1.6 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền

16. 2 Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

16.2.1 Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

16.2.2 Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.

16.2.3 Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

16.2.4 Bầu, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

16.2.5 Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

16.2.6 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

16.2.7 Tăng vốn điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập trong vòng 3 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;

16.2.8 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

16.2.9 Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

16.2.10 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;

16.2.11 Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị lớn hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

16.2.12 Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

16.2.13 Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

16.2.14 Các vấn đề khác theo quy định Điều lệ này và các Quy chế khác của Công ty.

16.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

16.3.1 Các hợp đồng quy định tại Khoản 16.2.14 khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

16.3.2 Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

16.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Các đại diện được ủy quyền

17.1 Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông.

17.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo

mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

17.2.1 Trường hợp Cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.

17.2.2 Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của tổ chức đó và của người được ủy quyền dự họp.

17.2.3 Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

17.3 Trường hợp Luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho Luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

17.4 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 17.3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực nếu khi có một trong các trường hợp sau đây:

17.4.1 Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

17.4.2 Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

17.4.3 Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước giờ khai mạc cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18.Thay đổi các quyền

18.1 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Khoản 16.2 Điều 16 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ tối thiểu từ 51% có quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

18.2 Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 2 (hai) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

18.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện theo các quy định tại Điều 20 và Điều 22 Điều lệ này, ngoại trừ các qui định về tỷ lệ biểu quyết và số người tham dự tối

thiểu quy định tại Khoản 20.1 và Khoản 20.2 Điều này.

18.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Các vấn đề thay đổi khác do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 19: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

19.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 15.4.2 và Khoản 15.4.3 Điều 15 của Điều lệ này.

19.2 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

19.2.1 Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

19.2.2 Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

19.2.3 Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.

19.3 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo về Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu một Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo phải được gửi ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông. Nếu Công ty có website, thông báo về Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.

19.4 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 13.3 Điều 13 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất 3 (ba) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

19.5 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 19.4 Điều này trong các trường hợp sau:

19.5.1 Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

19.5.2 Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ tối thiểu từ 20% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng.

19.5.3 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

19.6 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

19.7 Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không đưa vào chương trình một cách hợp lý.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

20.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất từ 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

20.2 Trong trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 20.1 Điều này, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

20.3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 20.2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

20.4.1 Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 19.3 Điều 19 của Điều lệ này.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

21.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

21.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết số thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá 3 (ba) người.

21.3 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã

được tiến hành trước đó đều không bị ảnh hưởng.

21.4 Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra có thể đề cử thêm thành viên cho Chủ tọa đoàn để điều khiển đại hội và Thư ký để lập biên bản Đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

21.5 Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

21.6 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:

21.6.1 Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;

21.6.2 Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 3 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

21.7 Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 21.6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

21.8 Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

21.9 Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia đại hội.

21.10 Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

21.10.1 Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;

21.10.2 Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

21.10.3 Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa

hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

21.11 Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

21.11.1 Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

21.11.2 Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

21.12 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

21.13 Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

22.1 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông:

22.1.1 Định hướng phát triển công ty;

22.1.2 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

22.1.3 Tổ chức lại, giải thể công ty.

22.2 Trừ các vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo quy định tại khoản 1 điều này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua bằng một trong các hình thức như: Biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức khác:

22.2.1 Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

22.2.2 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

22.2.3 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

22.2.4 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của công ty;

22.2.5 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

22.3 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 22.4 và 22.5 Điều này.

22.4 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử

viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

22.5 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc thay đổi nghành nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

22.4 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Chủ tịch Hội đồng quản trị - người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các Cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

24.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 (năm) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

24.2 Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau:

24.2.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

24.2.2 Là Cổ đông cá nhân sở hữu tối thiểu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty; hoặc là cá nhân có trình độ chuyên môn, khả năng, kinh nghiệm quản lý kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty; hoặc được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 10% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 (sáu) tháng liên tục

trở lên đề cử.

24.3 Quyền ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng quản trị

24.3.1 Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu tối thiểu từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết, từ 6 (sáu) tháng liên tục trở lên được quyền ứng cử hoặc đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông sở hữu dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết, từ 6 (sáu) tháng liên tục trở lên có quyền gộp số biểu quyết lại với nhau để đủ điều kiện đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

24.3.2 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết, trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

24.4 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

24.5 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

24.5.1 Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 110 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

24.5.2 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty trước 60 (sáu mươi) ngày.

24.5.3 Thành viên đó bị chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn hoặc bị hạn chế năng lực hành vi.

24.5.4 Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 (sáu) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

24.5.5 Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

24.5.6 Thành viên là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.

24.6 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật.

24.7 Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty và có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 24.2 Điều 24 của Điều lệ này.

24.8 Các thành viên của Hội đồng Quản trị không được chuyển nhượng cổ phần của Công ty do họ sở hữu trong suốt thời gian đương nhiệm trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 25. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

25.1 Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

25.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý khác.

25.3 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

25.3.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn và ngân sách hàng năm của Công ty trên cơ sở nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Quyết định hệ thống thang bảng lương, chính sách tiền lương, việc phân phối tiền lương, thu nhập, chi phí quản lý, chi phí giao dịch và các vấn đề khác thuộc lĩnh vực tài chính được quy định tại các Quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

25.3.2 Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

25.3.3 Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Cán bộ quản lý đó;

25.3.4 Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

25.3.5 Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

25.3.6 Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

25.3.7 Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

25.3.8 Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông;

25.3.9 Chủ tịch Hội đồng quản trị đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

25.3.10 Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các Quy chế quản lý của Công ty do HĐQT ban hành.

25.3.11 Hội đồng quản trị được quyền thế chấp toàn bộ tài sản của Công ty để vay vốn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng cầm cố tài sản của Công ty mà không được uỷ quyền cho bất cứ người nào ký kết hợp đồng thế chấp, cầm cố và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

25.4 Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

25.4.1 Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

25.4.2 Thành lập các công ty con của Công ty;

25.4.3 Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);

25.4.4 Lựa chọn Công ty kiểm toán;

25.4.5 Chỉ định và miễn nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

25.4.6 Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

25.4.7 Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty có giá trị vượt quá 10% ngân sách kinh doanh hàng năm;

25.4.8 Việc mua hoặc bán cổ phần của các danh mục đầu tư dài hạn từ 1 (một) năm trở lên bao gồm những công ty được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

25.4.9 Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

25.4.10 Việc định giá các tài sản của Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc góp vốn vào các công ty khác, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất,

25.4.11 Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần do Công ty phát hành;

25.4.12 Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

25.4.13 Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

25.4.14 Việc đầu tư hoặc bán tài sản (không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông), việc thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị hoặc tỷ lệ cụ thể được quy định tại các Quy chế quản lý nội bộ của công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

25.5 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc, các Cán bộ quản lý khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc đề cử đại diện phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác.

25.6 Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

25.7 Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi trong báo cáo thường niên của Công ty.

25.8 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

25.9 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26: Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

26.1 Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền giới thiệu người ra ứng cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

26.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và trách nhiệm như sau:

26.2.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng quản trị. Quyết định đầu tư mua sắm tài sản Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các Quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

26.2.2 Phê duyệt tất cả các phương án hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn vay đầu tư và phục vụ SXKD. Phê duyệt tất cả các kế hoạch chi phí phục vụ cho hoạt động SXKD (theo khoản 25.3.1 Điều 25).

26.2.3 Quản lý tài sản, ký hợp đồng thế chấp vay vốn ngân hàng, quản lý và sử dụng vốn hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và theo quy định tại Quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

26.2.4 Quyết định chi phí tiền lương, tiền công cho người lao động

26.2.5 Bổ nhiệm và miễn nhiệm, tuyển dụng cán bộ quản lý từ Tổng Giám đốc đến Trưởng các đơn vị trong Công ty.

26.2.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức, chủ tọa các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường .

26.2.7 Hàng tháng dự họp Kế hoạch, nghe Tổng Giám đốc báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD.

26.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đệ trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị lên các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông.

26.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền và Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được, thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

Khi cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

27.1 Trường hợp Hội đồng quản trị họp phiên đầu tiên của nhiệm kỳ để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên Hội đồng quản trị sẽ bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

27.2 Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

27.3 Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

27.3.1 Tổng giám đốc hoặc ít nhất 5 (năm) cán bộ quản lý;

27.3.2 Hai thành viên Hội đồng quản trị;

27.3.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị;

27.3.4 Đa số thành viên Ban kiểm soát.

Các trường hợp khác do Điều lệ quy định.

27. 4 Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 27.3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 27.3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

27.5 Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

27.6 Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

27.7 Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 5 (năm) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

27.8 Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trong trường hợp này người đại diện thay thế phải là thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền.

27.9 Biểu quyết:

27.9.1 Trừ quy định tại Khoản 27.9.2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

27.9.2 Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

27.9.3 Theo quy định tại Khoản 27.9.4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của

Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà các thành viên này không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của mình thì những vấn đề này sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

27.9.4 Thành viên Hội đồng quản trị được xem là có lợi ích đáng kể từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 16.2.14 và Khoản 25.4.14 Điều 16 và 25 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

27.10 Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

27.11 Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

27.12 Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho Thư ký Công ty chậm nhất 1 (một) giờ trước thời gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

27.13 Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

27.13.1 Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

27.13.2 Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại hoặc nếu không có một nhóm như vậy là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

27.14 Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

27.14.1 Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

27.14.2 Số lượng thành viên biểu quyết không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

27.15 Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

27.16 Những người được mời họp dự thính: Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.

27.17 Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng quản trị nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tuỳ từng thời điểm. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:

27.17.1 Số lượng thành viên bên ngoài kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban;

27.17.2 Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

27.18 Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu thành viên của Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28.Tổ chức bộ máy quản lý.

28.1 Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.

28.2 Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý các phòng, ban, đơn vị do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo thẩm

quyền được phân cấp. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị .

Điều 29. Quyền hạn, trách nhiệm của Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

29.1 Tiêu chuẩn: Tổng giám đốc phải là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Điều 18 Luật Doanh nghiệp;

29.2 Nhiệm kỳ: Bổ nhiệm có thời hạn, nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng là 03 (Ba) năm, trường hợp quản lý điều hành không tốt, gây thiệt hại thất thoát tài sản, vốn của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền miễn nhiệm trước thời hạn.

29.3 Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc:

29.3.1 Thực hiện theo sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

29.3.2 Thực hiện tốt các kế hoạch SXKD của Công ty đề ra.

29.3.3 Lập các phương án kinh doanh và phương án vay vốn đầu tư, vốn phục vụ hoạt động SXKD trình Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt.

29.3.4 Thực hiện các chi phí hoạt động SXKD theo quy định tại các Quy chế quản lý do Hội đồng quản trị ban hành.

29.3.5 Chủ trì cuộc họp kế hoạch hàng tháng.

29.3.6 Hàng tháng báo cáo kết quả hoạt động SXKD cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua cuộc họp định kỳ.

29.3.7 Hàng năm xây dựng kế hoạch năm trình Chủ tịch Hội đồng quản trị.

29.3.8 Chịu trách nhiệm điều hành tất cả phòng ban, đơn vị thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty.

29.3.9 Những vấn đề khác không thuộc phạm vi chức trách thì không được thực hiện, nếu xét thấy việc thực hiện mang lại hiệu quả thì lập báo cáo trình Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định mới được thực hiện.

29.3.10 Trong quá trình điều hành và thực hiện nhiệm vụ được giao, phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị và pháp luật.

29.4 Quyền hạn và trách nhiệm của Phó Tổng Giám đốc.

29.4.1 Phó Tổng Giám đốc là người thực hiện nhiệm vụ theo quyết định bổ nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

29.4.2 Là người giúp việc và chấp hành sự điều hành của Tổng Giám đốc với công việc được phân công.

29.4.3 Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Phó Tổng giám đốc báo cáo Tổng Giám đốc và cùng với Tổng Giám đốc tìm ra giải pháp thực hiện nhiệm vụ, theo chức trách công việc được phân công.

29.5 Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng.

29.5.1 Kế toán trưởng chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự điều hành, quản lý của Tổng giám đốc.

29.5.2 Hàng tháng báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về tình hình sử dụng vốn, quản lý vốn, công nợ và các chi phí.

29.5.3 Tổng hợp công nợ dây dưa, chi phí tăng giảm, phân tích lý do để Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý.

29.5.4 Thực hiện nghiêm túc chế độ tài chính kế toán theo Luật định và chịu trách nhiệm trước Chủ

tịch Hội đồng quản trị và pháp luật.

29.5.5 Kế toán trưởng là người giúp việc và chấp hành sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc.

Điều 30. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

30.1 Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

30.2 Làm biên bản các cuộc họp;

30.3 Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

30.4 Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;

30.5 Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

30.6 Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Quản lý, lưu trữ các văn bản, Nghị quyết chỉ thị của Hội đồng quản trị, tiếp nhận các đơn của cổ đông.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 31.Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các Cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

32.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty để phục vụ cho lợi ích, mục đích cá nhân mình; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

32.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

32.3 Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội

đồng quản trị, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

32.4 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 33: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.

33.1 Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của mình một cách không trung thực, thiếu sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn mà gây ra thiệt hại cho công ty sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. (Các hành vi này phải được Hội đồng quản trị xác nhận và quyết định)

33.2 Bồi thường:

33.2.1 Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó (i) đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý, nhân viên; hoặc là (ii) đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) ủy quyền; hoặc (iii) người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý, nhân viên đại diện được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác;

33.2.2 Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuê Luật sư) chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép, với điều kiện là (i) người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật; và (ii) không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Thành viên Ban kiểm soát.

34.1 Số lượng thành viên Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên thực hiện theo Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Côn ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

34.1.1 Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;

34.1.2 Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

34.1.3 Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

34.2 Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

34.3 Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 5 (năm) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế và có ít nhất 01 thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

34.4 Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

34.4.1 Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

34.4.2 Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và cho Trưởng Ban kiểm soát trước 60 (sáu mươi) ngày;

34.4.3 Thành viên bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn hoặc bị hạn chế năng lực hành vi;

34.4.4 Thành viên đó vắng mặt không tham dự 2 (hai) cuộc họp liên tiếp của Ban kiểm soát và không được Trưởng Ban kiểm soát chấp thuận về sự vắng mặt đó;

34.4.5 Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

34.4.6 Thành viên là đại diện của một pháp nhân bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho pháp nhân đó.

34.4.7 Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Điều 35. Ban kiểm soát

35.1 Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

35.1.1 Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty Kiểm toán độc lập, mức phí và mọi vấn đề liên quan đến việc rút lui hay bãi nhiệm Công ty Kiểm toán.

35.1.2 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

35.1.3 Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

35.1.4 Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, 6 (sáu) tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

35.1.5 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

35.1.6 Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Tổng giám đốc ;

35.1.7 Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; Kiến nghị với Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi bổ sung cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

35.1.8 Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Tổng giám đốc .

35.2 Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

35.3 Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 2 (hai) lần mỗi năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban kiểm soát.

35.4 Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 36. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

36.1 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 20% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục từ 6 (sáu) tháng trở lên có quyền trực tiếp hoặc qua Luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra về danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía Luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

36.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

36.3 Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

36.4 Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Điều lệ này phải được công bố trên Website của Công ty (nếu Công ty có website).

CHƯƠNG XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

Điều 37. Người lao động và các tổ chức Đảng, Đoàn thể

Người lao động thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và các quy định của Công ty . Các tổ chức Đảng, Đoàn thể hoạt động theo Điều lệ quy định của mỗi tổ chức.

CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 38. Cổ tức

38.1 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty. Việc phân chia cổ tức sẽ không vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất một cách trung thực sau khi đã tham khảo ý kiến Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Việc phân chia cổ tức được quy định cụ thể tại quy chế Tài chính của Công ty.

38.2 Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông sau khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trả nợ các khoản vay đến hạn và vay quá hạn bao gồm gốc và lãi, bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ; trích lập các quỹ Công ty.

38.3 Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

38.4 Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

38.5 Công ty không trả lãi cho bất cứ một khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

38.6 Đại hội đồng cổ đông, theo đề xuất của Hội đồng quản trị sẽ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

38.7 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông) thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng.

38.8 Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải

tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

38.9 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khóa sổ) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 39. Tài khoản ngân hàng

39.1 Công ty sẽ mở tài khoản tại một hoặc nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

39.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.

39.3 Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 40. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản nộp vào quỹ dự trữ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và chỉ được tiếp tục trích nộp tới một giới hạn tích lũy bằng 10% vốn điều lệ Công ty.

Điều 41. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 của năm sau liền kề. Năm tài chính đầu tiên thực hiện theo quy định của Điều lệ này: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2016, kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm sau liền kề.

Điều 42. Hệ thống kế toán

42.1 Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

42.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

42.3 Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 43. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

43.1 Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật .

43.2 Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 44. Kiểm toán

44.1 Tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm, một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

44.2 Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

44.3 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

44.4 Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

44.5 Kiểm toán viên sẽ được phép tham dự Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 45. Con dấu

45.1 Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và Hội đồng quản trị có thể xác định nội dung của con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

45.2 Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 46. Chấm dứt hoạt động

46.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

46.1.1 Khi kết thúc Thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

46.1.2 Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

46.1.3 Khi các cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc qua uỷ quyền biểu quyết giải thể trước thời hạn hoạt động.

46.1.4 Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

46.2 Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định và Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin

chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 47. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Các Cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải thể Công ty theo một hay một số các căn cứ sau:

47.1 Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

47.2 Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

47.3 Có sự bất đồng trong nội bộ và 2 (hai) hoặc nhiều phe cánh Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 48. Gia hạn hoạt động

48.1 Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 (bảy) tháng trước khi kết thúc Thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

48.2 Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 75% cổ phiếu có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội cổ đông hoặc qua ủy quyền bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.

Điều 49. Thanh lý

49.1 Ít nhất 6 (sáu) tháng trước khi kết thúc Thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 3 (ba) thành viên, 2 (hai) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 1 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

49.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

49.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

49.3.1 Các chi phí thanh lý.

49.3.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động.

49.3.3 Thuế và các khoản nộp khác mà Công ty phải trả cho Nhà nước.

49.3.4 Các khoản vay (nếu có).

49.3.5 Các khoản nợ khác của Công ty.

49.3.6 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Khoản 49.3.1 đến Khoản 49.3.5 Điều này sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phần ưu đãi được thanh toán.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50.Giải quyết tranh chấp nội bộ

50.1 Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

50.1.1 Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty;

50.1.2 Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay Cán bộ quản lý.

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

50.2 Nếu không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án giải quyết.

50.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu .

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 51.Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

51.1 Mọi sự bổ sung hay sửa đổi Điều lệ này phải được lập dưới hình thức một Dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 65% tổng số biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện.

51.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52.Ngày hiệu lực

52.1 Bản Điều lệ này gồm XXI Chương 52 Điều, được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường

Kon Tum nhất trí thông qua theo Nghị quyết số 38/2015/NQ-HĐQT, ngày 03 tháng 8 năm 2015 (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015) và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

52.2 Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau.

52.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

52.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất ½ tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Kon Tum, ngày 28 tháng 10 năm 2015

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

S.Đ.K.K.D: 6100228104 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM - TP. KON TUM T. KON TUM

ĐặngViệt Anh